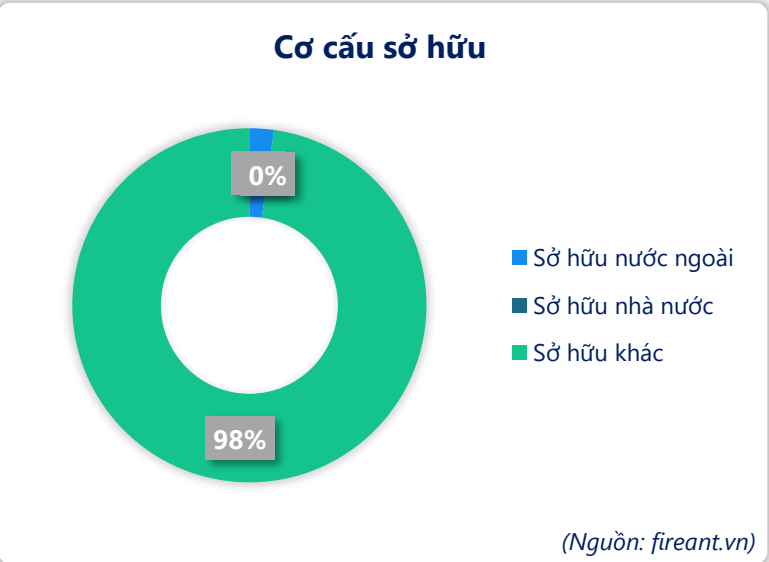
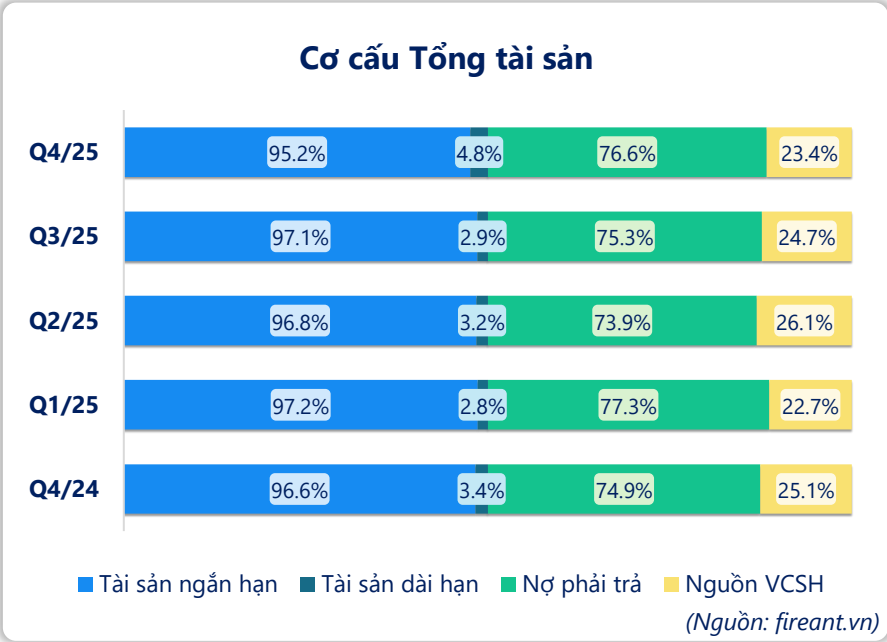
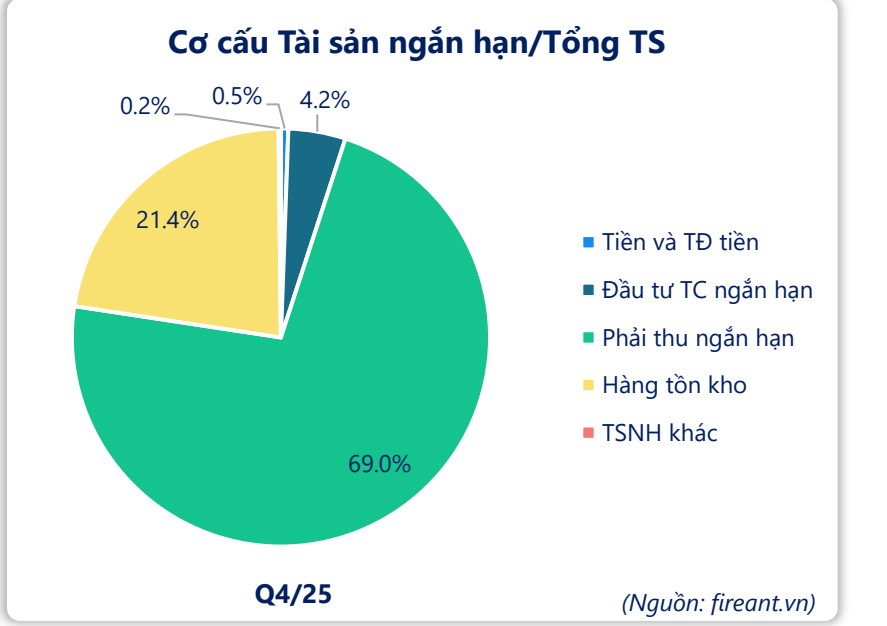
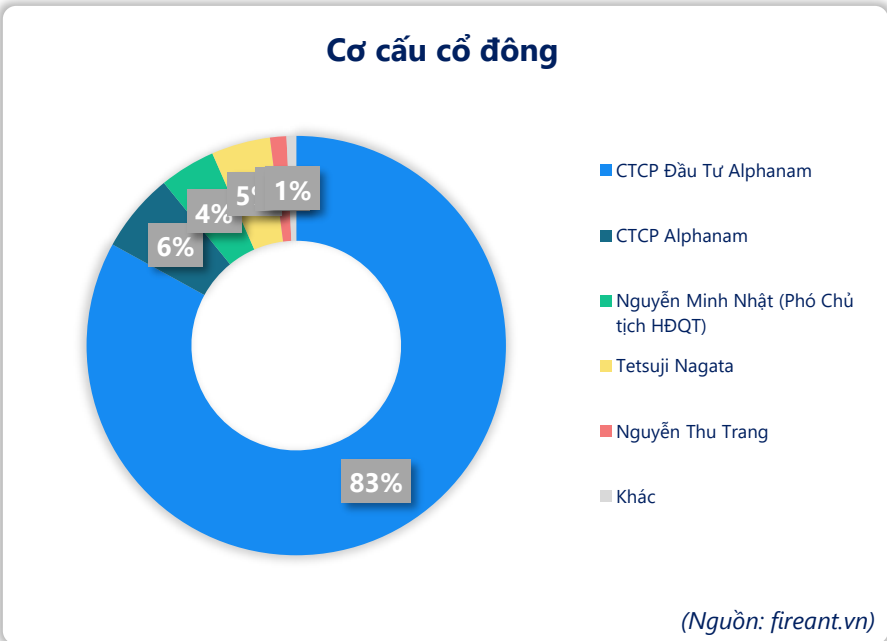
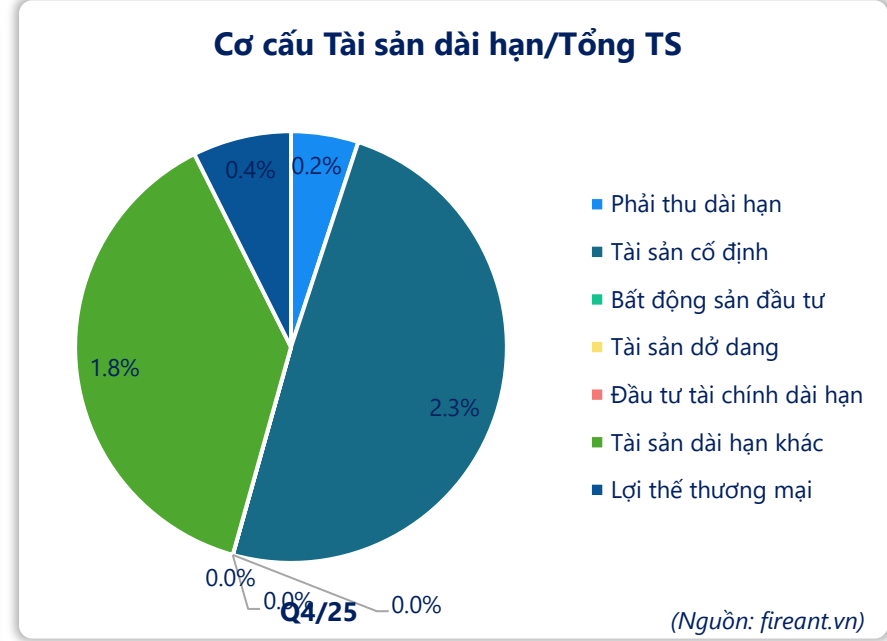


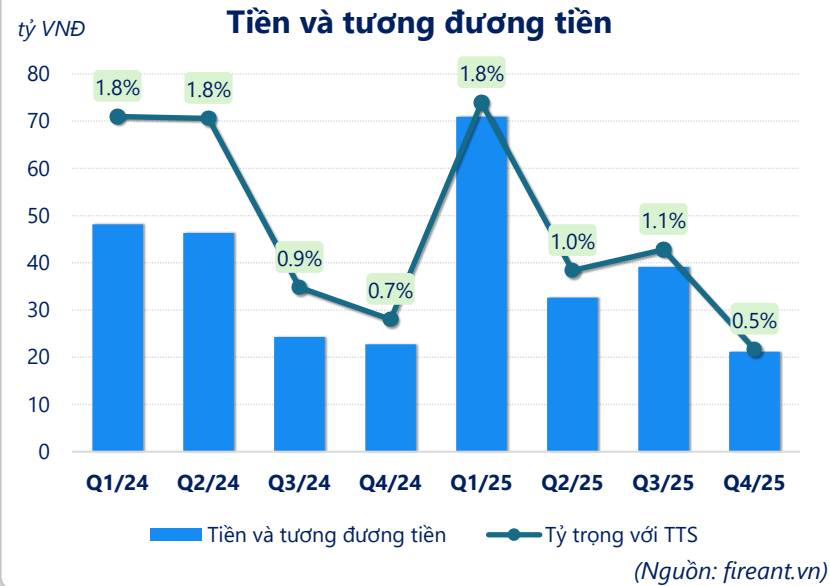
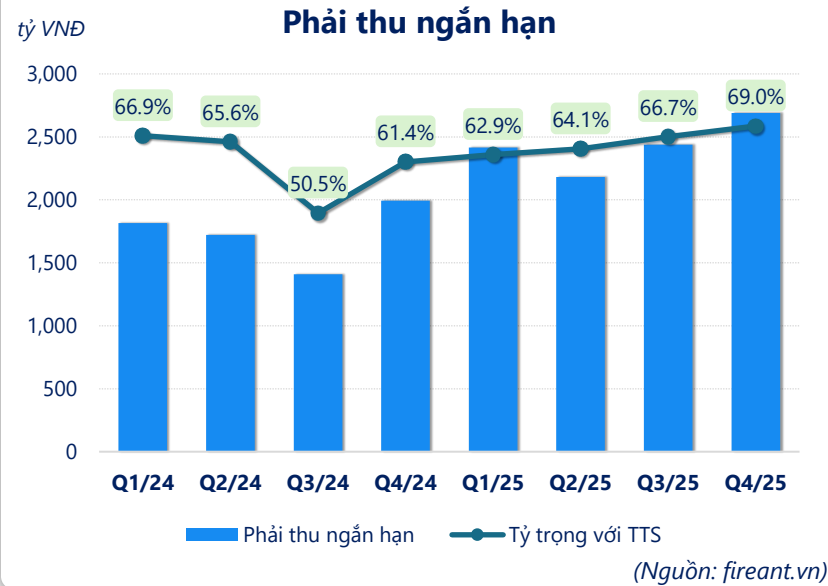
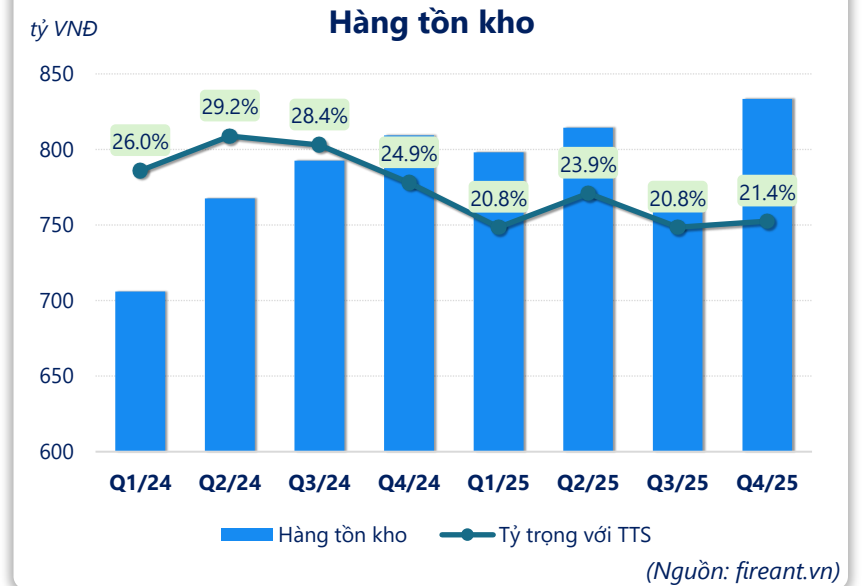
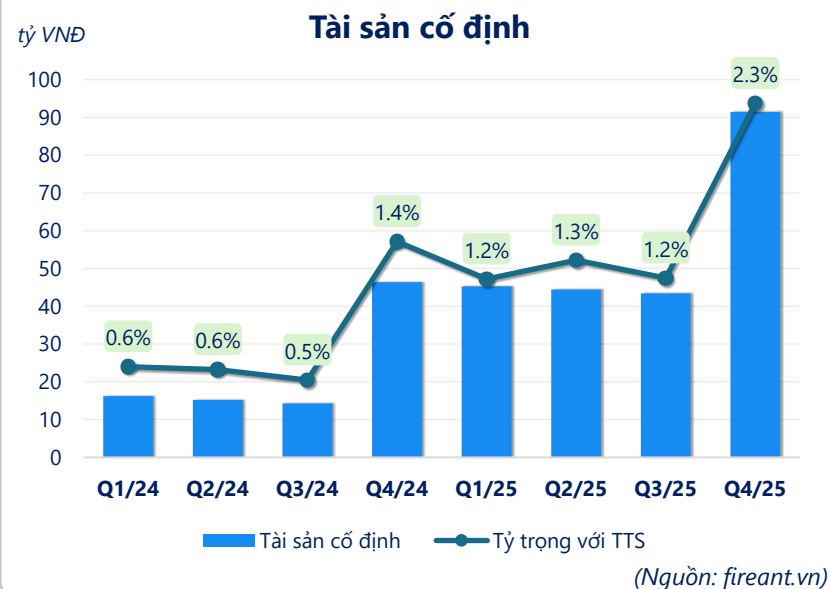
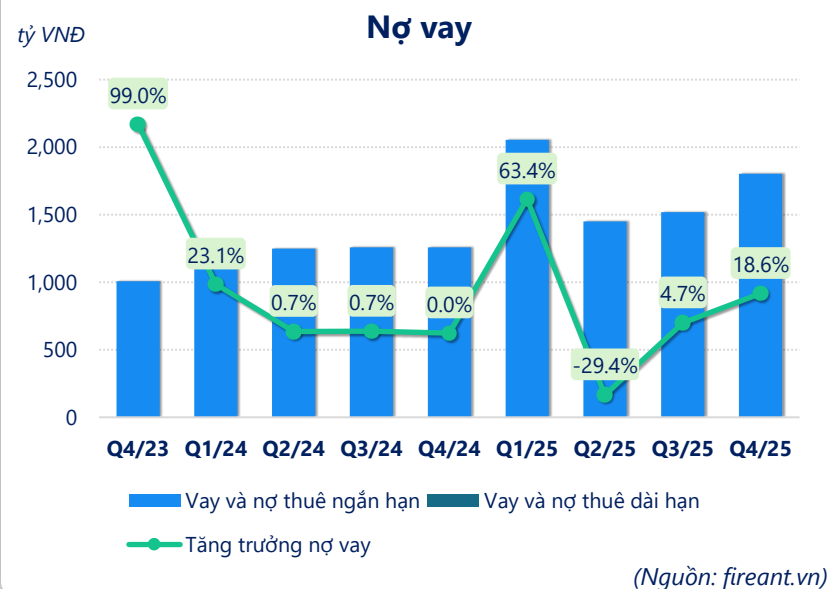
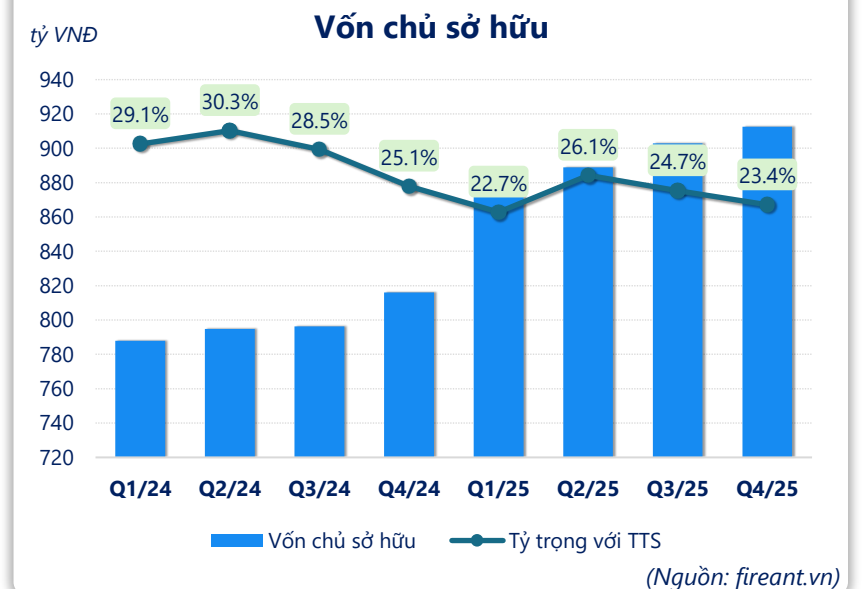
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,500
SL cổ phiếu LH		65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		360
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		476
P/E		11.7
EPS		623

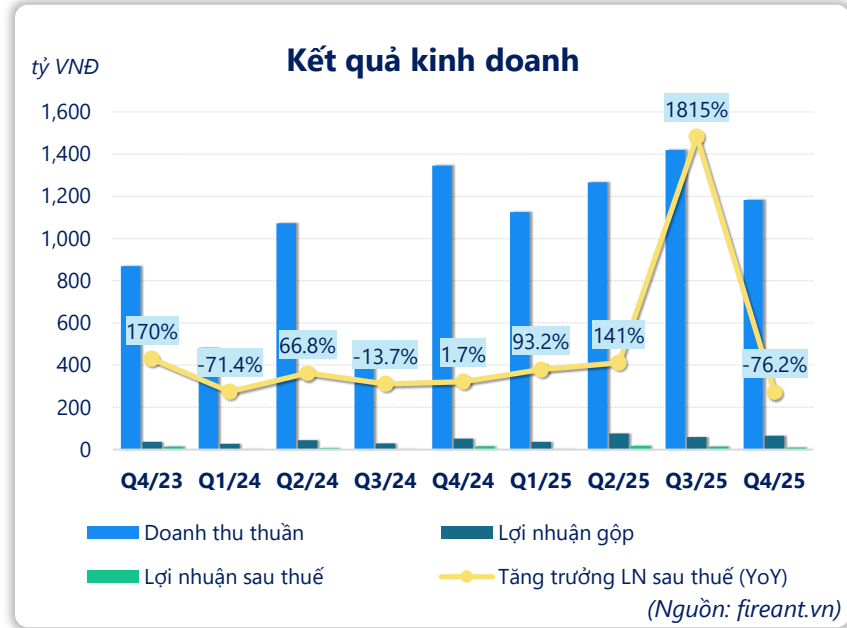
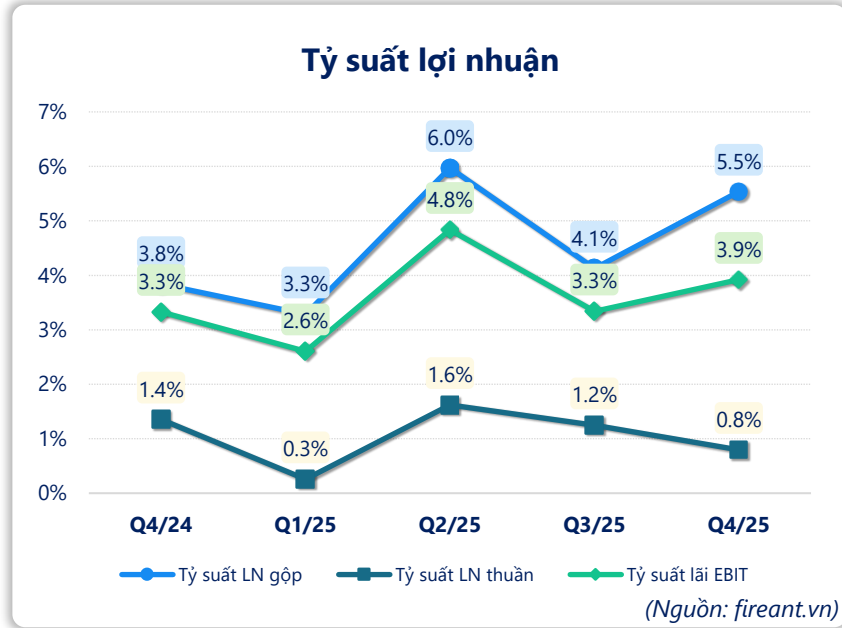
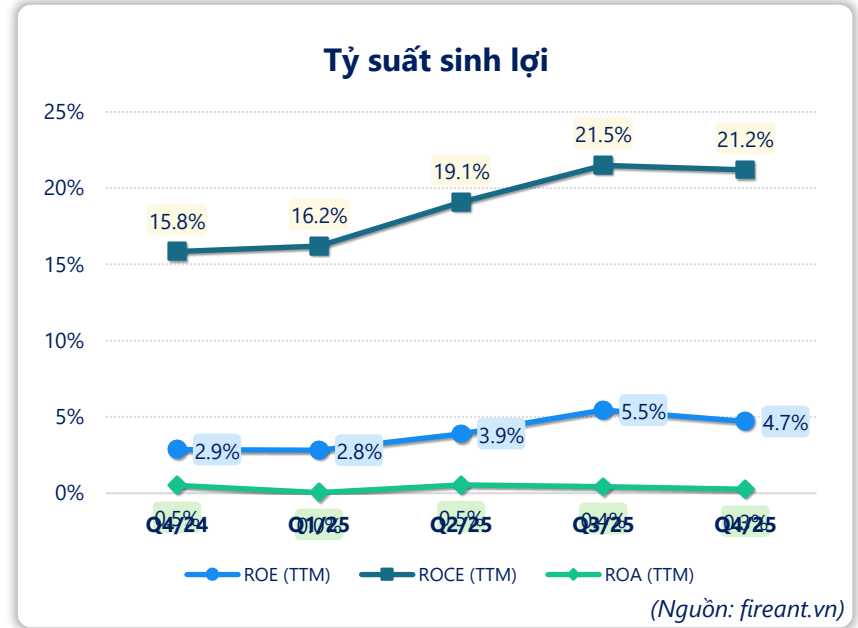
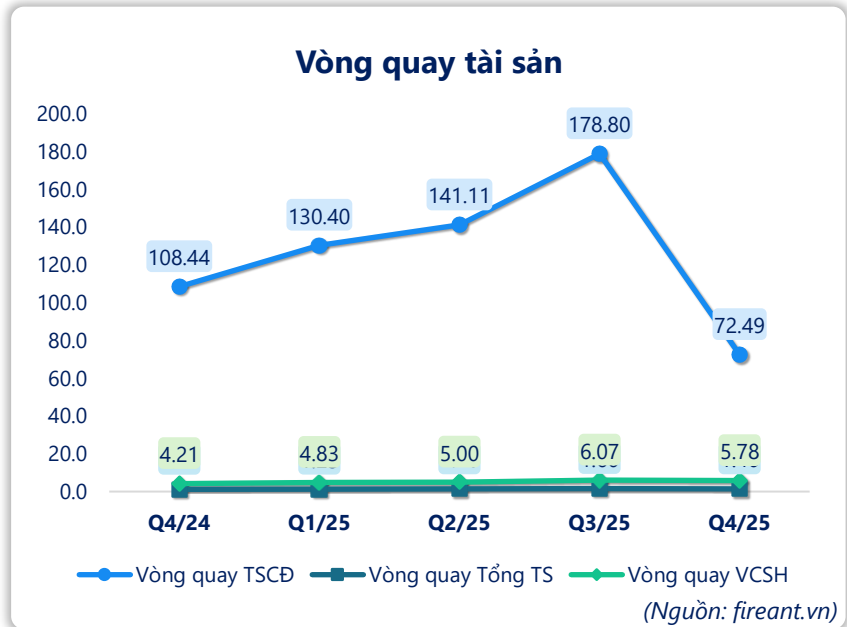
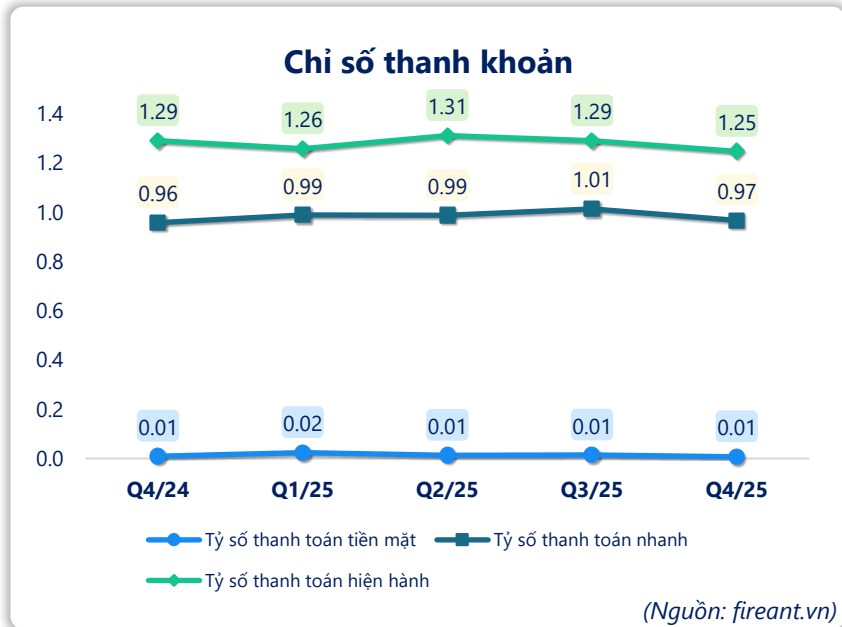
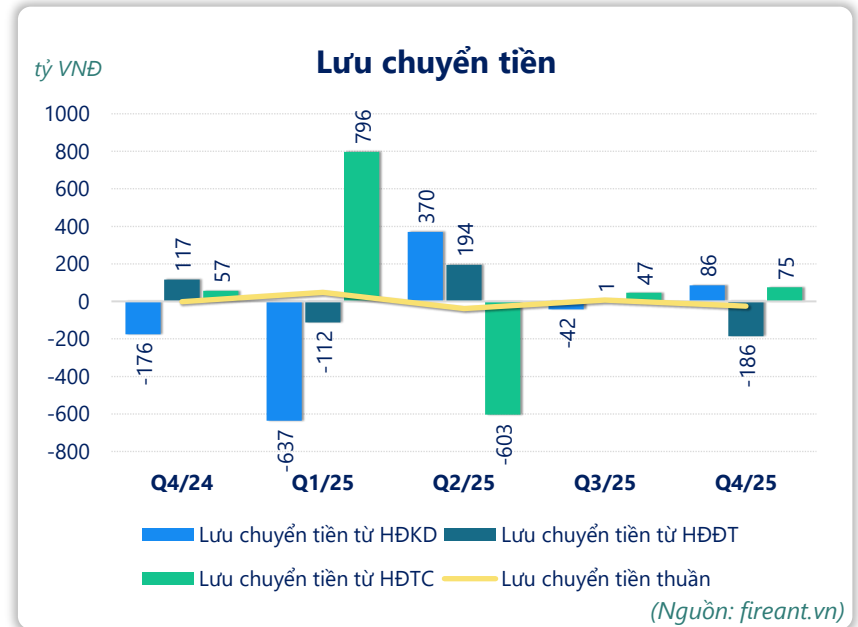
	YTD	1T	3T	6T
AME	55.3%	-8.8%	-18.9%	28.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,902	3,175	22.9%
Tài sản ngắn hạn	3,716	3,065	21.2%
Tiền và tương đương tiền	21.2	22.9	-7.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165	301	-45.3%
Phải thu ngắn hạn	2,691	1,922	40.0%
Hàng tồn kho	833	806	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	6.63	13.5	-50.9%
Tài sản dài hạn	185	110	69.1%
Phải thu dài hạn	9.36	0	
Tài sản cố định	91.4	46.4	97.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	70.9	63.2	12.2%
Lợi thế thương mại	13.7	0	
Nợ phải trả	2,989	2,304	29.7%
Nợ ngắn hạn	2,980	2,303	29.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,803	1,258	43.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	577	845	-31.7%
Nợ dài hạn	9.17	0.41	2147%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	913	871	4.8%
Vốn chủ sở hữu	913	871	4.8%
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,345	1,124	1,266	1,420	1,183
Giá vốn hàng bán	1,293	1,088	1,191	1,361	1,118
Lợi nhuận gộp	51.6	36.9	75.6	58.5	65.5
Doanh thu HĐTC	3.79	1.53	-0.40	0.05	0.48
Chi phí TC	29.2	27.2	42.1	30.2	37.2
Chi phí lãi vay	26.6	27.2	40.2	29.8	36.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.90
Chi phí QLDN	8.02	8.37	12.6	10.7	18.5
LN thuần từ HĐKD	18.2	2.89	20.5	17.7	9.43
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.80	0.54	-0.14	0.32
LN trước thuế	18.2	2.09	21.1	17.6	9.75
Lợi nhuận sau thuế	14.7	1.47	16.6	14.0	8.91
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	1.38	16.4	13.9	8.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-176	-637	370	-41.8	86.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	117	-112	194	1.50	-186
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	56.7	796	-603	46.8	74.6
Tiền đầu kỳ	24.3	22.9	70.9	32.6	39.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.99	48.0	-38.3	6.51	-25.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.3	70.9	32.6	39.1	21.2

(Nguồn: fireant.vn)